

Bản án số: 404/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 18/9/2020.

V/v: Tranh chấp HN&GD:

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Quý**

2. Ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2020 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2020 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đào Văn T (tên gọi khác Đào Như T), sinh năm 1981.

Vắng mặt.

Đều ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Yên Cốc xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai của chị Cấn Thị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Đào Văn T, sinh năm 1981, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội ngày 08/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, anh T thường xuyên rượu say về đánh chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là cháu Đào Như Q, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Đào Khánh V, sinh ngày 10/6/2009. Nếu ly hôn nguyện vọng của các cháu ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn T: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tại nơi cư trú của anh T nhưng anh không hợp tác, do đó Tòa án đã lập biên bản về việc không làm việc được, đồng thời niêm yết tại địa phương các văn bản tố tụng.

Tại phiên Tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do anh T không có mặt tại phiên hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Về hôn nhân xử chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Đào Như Q, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Đào Khánh V, sinh ngày 10/6/2009. Giao hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung: không có nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị T đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Ngày 03/9/2020 Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Hôm nay Tòa án mở lại phiên tòa lần hai, anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh T trên cơ sở có tình cảm, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Anh chị đã có thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han đến ai. Tòa

án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh T cố tình lẩn tránh và không đưa ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T có đơn đề nghị ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đào Như Q, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Đào Khánh V, sinh ngày 10/6/2009. Khi ly hôn chị T đề nghị xem xét các cháu ở với ai thì chị nhất trí. Tại bản tự khai về nguyện vọng của các cháu thì các cháu không muốn sáo chộn chỗ ở nên muốn ở với bố, xét nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Q và cháu V cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu khác.

[4.] Về tài sản chung: Chị T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn T.

Về con chung: Xác nhận chị T và anh T có 02 con chung là cháu Đào Như Q, sinh ngày 06/9/2004 và cháu Đào Khánh V, sinh ngày 10/6/2009. Giao cháu Q và cháu V cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu khác. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004897 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo chị T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Hồng Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trưởng Ngọc Tuấn